

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày 10 – 8 – 2023

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đỗ Thị Huệ Anh

Ông Cao Văn Viết

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

Ngày 10 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2022/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2453/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H, sinh năm 1962;

Địa chỉ: Số I T, khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Văn P, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số A, D, Apt#201, Urbandale, IA E, Hoa Kỳ.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (nhận các văn bản tố tụng, quyết định, bản án của Tòa án nhân dân các cấp): Bà Trần Thị N, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số A, khu phố C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/11/2022, bản tự khai ngày 27/12/2022, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:

Bà và ông Huỳnh Văn P tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn

số 29 ngày 20/8/2019. Tuy nhiên, sau khi kết hôn được một tháng (tháng 9/2019) thì ông P trở về Hoa Kỳ, còn bà thì sống tại Việt Nam. Sau khi trở về Hoa Kỳ, cả hai vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại, videocall. Giữa hai bên không có mâu thuẫn với nhau nhưng do khoảng cách về địa lý và sức khỏe của bà không tốt nên không thể sang H kỳ cùng với ông nên dẫn đến tình cảm ngày càng xa cách với nhau. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Bà yêu cầu được ly hôn với ông Huỳnh Văn P, không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt ngày 05/6/2023, bị đơn ông Huỳnh Văn P trình bày:

Ông thống nhất với lời trình bày trong đơn xin ly hôn của bà Trần Thị H về hoàn cảnh tiến tới hôn nhân, việc đăng ký kết hôn, những mâu thuẫn phát sinh trong quá trình chung sống. Nay ông biết sự việc bà H nộp đơn ly hôn tại Tòa án. Ông có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị H. Ông không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do khoảng cách địa lý và công việc bận rộn, khó khăn trong việc đi lại nên ông yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre và Tòa án nhân dân cấp trên (nếu có) giải quyết vắng mặt ông.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn P là ly hôn, nguyên đơn bà Trần Thị H địa chỉ: Số I T, khu phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh Bến Tre; bị đơn ông Huỳnh Văn P hiện đang ở Hoa Kỳ nên căn cứ vào khoản 3

Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự thì thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa gia đình và người chưa thành niên Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn P xác lập hôn nhân với nhau vào năm 2019 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre, đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 20/8/2019 nên hôn nhân giữa bà H và ông P là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn khoảng 01 tháng thì ông P trở về Hoa Kỳ sinh sống và làm việc cho đến nay, vì khoảng cách địa lý nên ông bà không có điều kiện gặp nhau để vun đắp tình cảm cũng như chia sẻ giúp đỡ nhau trong cuộc sống hàng ngày, đến nay ông P vẫn còn làm việc ở nước ngoài nên ông bà nhận thấy tình cảm vợ chồng lạnh nhạt dần, không thể hàn gắn đoàn tụ. Bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông P. Khi biết bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, ông P cũng trình bày ý kiến là đồng ý ly hôn. Hội đồng xét xử nhận thấy trong thời gian sống chung, bà H và ông P có phát sinh mâu thuẫn, hiện tại các bên không còn thực hiện nghĩa vụ vợ chồng là quan tâm chăm sóc lẫn nhau, mục đích hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, bà H và ông P đều xin giải quyết vắng mặt nên Tòa án cũng không thể hòa giải đoàn tụ.

Từ những phân tích trên, nhận thấy việc bà H yêu cầu ly hôn với ông P là có cơ sở và ông P cũng đồng ý nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Bà H và ông P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

[3] Về con chung: Bà H và ông P đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Bà H và ông P đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà H và ông P trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không giá ngạch: Bà H được miễn án phí (do bà H là người cao tuổi theo quy định).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 2 Điều 38 và Điều 40, Điều 147, Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 56 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Trần Thị H đối với ông Huỳnh Văn P.

1.1. Về hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn với ông Huỳnh Văn P.

Bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn P không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên ghi nhận.

1.2. Về con chung: Bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn P đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn P đều trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

1.4. Về nợ chung: Bà Trần Thị H và ông Huỳnh Văn P trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tòa án không nhận đơn yêu cầu độc lập nào của bên thứ ba nên không giải quyết, nếu sau này có phát sinh tranh chấp thì các bên đương sự có thể khởi kiện thành vụ kiện khác.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị H được miễn nộp án phí (do bà H là người cao tuổi).

3. Bà Trần Thị H được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật. Ông Huỳnh Văn P được quyền kháng cáo trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Huệ Anh

Cao Văn Viết

Phạm Văn Ngọt

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bến Tre;
- UBND huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Ngọt